

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/DS- PT.

Ngày 22 - 9 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh;

Ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLPT- DS ngày 30/7/2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS - ST ngày 10/6/2020 của Toà án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐ – PT ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu G, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1957 (có mặt);

Người đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 14/9/2020 của ông Phạm Quốc T: Anh Phạm Đình T, sinh năm: 1979 (có mặt).

Đều cùng địa chỉ : Thôn LB, xã ĐP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (là vợ ông Phạm Quốc T, vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LB, xã ĐP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn

ông Nguyễn Hữu G trình bày: Ngày 10/11/2013 âm lịch (tức ngày 12/12/2013 dương lịch) ông cho ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H vay số tiền gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, thời hạn khi nào ông cần thì báo trước cho ông Phạm Quốc T 1 tuần. Do ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H không thanh toán trả được cho ông nên cứ một năm ông lại cộng dồn lãi vào gốc và đến ngày 27/9/2017 hai bên chốt và viết lại giấy vay tiền, nội dung ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H còn nợ ông 76.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất bằng 1,1% kể từ ngày 27/9/2017 âm lịch (tức ngày 15/11/2017 dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm, nhưng nay ông không yêu cầu thanh toán theo giấy vay tiền này. Giấy biên nhận vay tiền ông là người viết, có chữ ký của ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H ký người vay tiền. Số tiền ông cho ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H vay là của riêng ông, không liên quan đến vợ, con ông. Kể từ khi vay đến nay ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H thanh toán trả ông được 10 triệu đồng tiền lãi. Nay ông yêu cầu ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H thanh toán trả ông theo giấy biên nhận vay tiền ngày 10/11/2013 âm lịch (tức ngày 12/12/2013 dương lịch) số tiền gốc 30 triệu đồng và lãi suất 2%/tháng kể từ ngày vay 12/12/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/6/2020, tổng số tiền gốc 30 triệu đồng và lãi 36.760.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 66.760.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Ông không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án.

Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H khai: Ngày 23/9/2013 dương lịch ông, bà có vay của ông Nguyễn Hữu G nhưng do ông viết sai lỗi chính tả là Nguyễn Hữu Dao tổng số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) để nuôi các con ăn học, với lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả khi nào ông Nguyễn Hữu G cần thì thông báo cho ông trước 1 tuần nhưng ông không có tài liệu chứng cứ về việc vay số tiền này để cung cấp cho Tòa án. Do ông không trả được tiền gốc và tiền lãi cho ông Nguyễn Hữu G nên ông Nguyễn Hữu G tính lãi suất 3%/tháng và cộng dồn vào số tiền gốc nên ngày 27/9/2017 ông Nguyễn Hữu G chốt lại số tiền gốc ông còn nợ là 76.500.000 đồng. Ông và bà Nguyễn Thị H có ký và viết thống nhất số tiền nợ trên và tự nguyện viết giấy cam kết hẹn ngày trả nợ. Đến ngày 30/11/2018 dương lịch ông trả ông Nguyễn Hữu G được 10 triệu đồng, ông mong muốn được ông Nguyễn Hữu G trừ vào tiền gốc. Đến nay vợ chồng ông còn nợ ông Nguyễn Hữu G số tiền bao nhiêu ông không biết, ông, bà đã được Tòa án cho xem giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 10/11/2013 âm lịch (12/12/2013 dương lịch), nội dung là ông và bà Nguyễn Thị H vợ ông vay của ông Nguyễn Hữu G số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và 01 giấy vay tiền không ghi ngày, tháng năm với nội dung ông vay

của ông Nguyễn Hữu G số tiền 76.500.000đ, các giấy biên nhận vay tiền này do ông Nguyễn Hữu G viết. Ông và bà Nguyễn Thị H là người viết và ký phần người vay tiền. Ông Nguyễn Hữu G yêu cầu ông thanh toán trả 66.760.000đ (sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) và lãi suất 1,1%/tháng ông không nhất trí, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 10/6/2020 của Toà án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

□p dụng các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 471, Điều 474, 476; khoản 2 Điều 477 của BLDS 2005; Điều 24, 26 Nghị quyết 326 của UBTWQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán trả ông Nguyễn Hữu G số tiền gốc và lãi theo giấy biên nhận vay tiền ngày 10/11/2013 âm lịch (tức ngày 12/12/2013) dương lịch là 46.302.500 đồng (gồm 30.000.000 đồng tiền gốc; 16.302.500 tiền lãi).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.157.562 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hữu G phải chịu 1.022.875 đồng nhưng được trừ vào số tiền 1.900.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0004424 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN. Trả lại ông Nguyễn Hữu G số tiền 877.125 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên các nội dung liên quan về quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự, quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/7/2020 ông Phạm Quốc T kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm xét xử không đúng, đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu G không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, ông Phạm Quốc T (do anh Phạm Đình T đại diện) không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Các đương sự không nộp bổ sung được tài liệu chứng cứ mới.

Anh Phạm Đình T là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quốc T và ông Phạm Quốc T đều thống nhất trình bày: Sự thật ông Phạm Quốc T chỉ vay ông Nguyễn Hữu G 9.000.000đ (chín triệu đồng) không phải 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) như ông Nguyễn Hữu G khởi kiện. Ông Nguyễn Hữu G khởi kiện yêu cầu

ông Phạm Quốc T trả lời là không đúng. Giấy vay tiền ngày 10/11/2013 do ông Nguyễn Hữu G viết sẵn, ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H chỉ ký theo yêu cầu của ông Nguyễn Hữu G. Ông Phạm Quốc T không có tài liệu chứng cứ để chứng minh ông chỉ vay của ông Nguyễn Hữu G 9.000.000đ. Chữ ký trong Giấy vay tiền ngày 10/11/2013 (bút lục số 42) đúng là chữ ký, chữ viết của ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H. Ông Phạm Quốc T không đồng ý trả cho ông Nguyễn Hữu G 46.302.000đ (bốn mươi sáu triệu ba trăm linh hai nghìn năm trăm đồng) như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ông Nguyễn Hữu G trình bày: Ngày 10/11/2013 ông cho ông Phạm Quốc T, bà Nguyễn Thị H vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là đúng, ông Phạm Quốc T khai chỉ vay của ông 9.000.000đ (chín triệu đồng) là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Chấp hành đúng quy định tại các điều 48, Điều 51, Điều 303 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, của nguyên đơn quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Quốc T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Quốc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe lời trình bày và ý kiến tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H Theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phạm Quốc T, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ các giấy biên nhận vay tiền, lời khai của các đương sự và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì: Ngày 10/11/2013 âm lịch (tức ngày 12/12/2013) ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H có vay của ông Nguyễn Hữu G số tiền gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất 02 bên thỏa thuận 3%/tháng. Quá trình vay ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H không thanh toán trả được tiền cho ông Nguyễn Hữu G nên ông Nguyễn Hữu G đã cộng dồn lãi vào gốc và đến ngày 27/9/2017 hai bên chốt lại số tiền gốc ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H còn nợ là 76.500.000 đồng. Tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu G xác định việc thỏa thuận trên là trái với quy định của pháp luật nên không yêu cầu ông Phạm Quốc T, bà Nguyễn Thị H thanh toán theo giấy vay tiền này. Do vậy xác định không có việc ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H vay của ông Nguyễn Hữu G số tiền 76.500.000 đồng như ông Nguyễn Hữu G khai mà số tiền gốc vay là 30 triệu đồng.

Quá trình vay ngày 30/11/2018 ông Phạm Quốc T trả ông Nguyễn Hữu G được 10 triệu đồng tiền lãi. Nay ông Nguyễn Hữu G yêu cầu ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H thanh toán trả số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), tiền lãi 36.760.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 66.760.000đ. Lời khai của ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H khai ngày 23/9/2013 dương lịch ông, bà vay của ông Nguyễn Hữu G số tiền gốc là 9.000.000đ nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Ông Nguyễn Hữu G về số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là có căn cứ theo quy định tại các Điều 471, 474, 476 của BLDS 2005 và xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có lãi suất, có thời hạn nhưng do các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng là quá cao không có căn cứ để chấp nhận. Bản án sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất không vượt quá $150\%/năm = 1,25\%/tháng$ để buộc ông Phạm Quốc T phải chịu lãi là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Lãi suất ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H phải chịu được tính như sau:

Từ ngày 12/12/2013 đến ngày 10/6/2020 là 77 tháng $28 \text{ ngày} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%/tháng = 26.302.500 \text{ đồng tiền lãi}$ - 10 triệu đồng tiền lãi đã trả = 16.302.500 đồng tiền lãi. Tổng số tiền cả gốc và lãi cần buộc ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán trả ông Nguyễn Hữu G là: 30.000.000 đồng tiền gốc + 16.302.500 tiền lãi = 46.302.500 đồng.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Quốc T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang là đúng quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Quốc T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 294, khoản 2, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Quốc T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476; khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán trả ông Nguyễn Hữu G số tiền 46.302.500đ (bốn mươi sáu triệu ba trăm linh hai nghìn năm trăm đồng, gồm 30.000.000 đồng tiền gốc; 16.302.500 tiền lãi).

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.157.562đ (một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hữu G phải chịu 1.022.875đ (một triệu không trăm hai mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ cho ông Nguyễn Hữu G vào số tiền 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0004424 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Trả lại ông Nguyễn Hữu G số tiền 877.125 (tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0004424 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Quốc T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện LN;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết Nguyễn Hải Vinh

Nguyễn Xuân Thạo